

**KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC GDQP, AN K29 - YD1**  
**K52 Hệ liên thông - Trường Đại học Y dược - Đại học Thái Nguyên**

(Kèm theo Thông báo số: 67/HTB - TTGDQPAN,  
ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm GDQPAN Đại học Thái Nguyên)

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	KHÓA/LỚP	HỌC PHẦN 1					HỌC PHẦN 2 (Bảo lưu từ Trung cấp)	HỌC PHẦN 3					TBM	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
						ĐQT			THI	HP1		ĐQT			THI	HP3			
						ĐRL	ĐTX	ĐGP				ĐRL	ĐTX	ĐGP					
1	DTY20K7201010082	Đỗ Hoàng Nam	25/03/1994	Điện Biên	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	6,0	6,8	5,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	Khá	
2	DTY20K7201010085	Chu Thanh Nga	15/12/1991	Cao Bằng	CTY.K52B	7,6	8,0	7,0	6,0	6,6	7,5	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,4	Khá	
3	DTY20K7201010088	Vũ Thị Ngát	18/03/1996	Nam Định	CTY.K52B	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	7,1	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,6	Khá	
4	DTY20K7201010089	Đỗ Trọng Nghĩa	12/10/1995	Sơn La	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	8,0	7,8	6,7	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
5	DTY20K7201010095	Phạm Thị Hồng Nhung	16/08/1995	Phú Thọ	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	8,0	7,8	9,8	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	8,2	Giỏi	
6	DTY20K7201010093	La Thị Như	22/08/1993	Kon Tum	CTY.K52B	8,0	7,0	8,0	8,0	7,9	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	Giỏi	
7	DTY20K7201010097	Trần Thiện Phúc	14/08/1990	Thanh Hóa	CTY.K52B	9,5	7,0	8,0	7,0	7,5	6,7	9,5	8,0	8,0	8,0	8,2	7,7	Khá	
8	DTY20K7201010102	Bàn Thị Phương	02/02/1991	Cao Bằng	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	7,0	7,4	6,4	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,5	Khá	
9	DTY20K7201010120	Lê Văn Thanh	05/09/1989	Hà Nội	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	6,0	6,8	6,5	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,3	Khá	
10	DTY20K7201010124	Chung Thị Thảo	22/11/1990	Cao Bằng	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	6,5	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,4	Khá	
11	DTY20K7201010118	Lý Thị Thắm	23/11/1991	Tuyên Quang	CTY.K52B	9,0	7,0	7,0	7,0	7,3	7,3	8,7	8,0	8,0	8,5	8,4	7,8	Khá	
12	DTY20K7201010127	Nguyễn Thị Thâu	11/09/1990	Hung Yên	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	9,0	8,4	7,0	8,0	8,0	7,0	8,0	7,9	7,9	Khá	
13	DTY20K7201010129	Nguyễn Tấn Thiên	20/11/1992	Đắk Lắk	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	7,0	7,4	7,3	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	KHÓA/LỚP	HỌC PHẦN 1					HỌC PHẦN 2 (Bảo lưu từ Trung cấp)	HỌC PHẦN 3					TBM	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
						ĐQT			THI	HP1		ĐQT			THI	HP3			
						ĐRL	ĐTX	ĐGP				ĐRL	ĐTX	ĐGP					
14	DTY20K7201010131	Tòng Thị Thoa	25/11/1990	Điện Biên	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	7,0	7,4	6,4	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,5	Khá	
15	DTY20K7201010133	Hoàng Văn Thuật	05/07/1989	Cao Bằng	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	6,0	6,8	5,6	8,0	8,0	8,0	7,5	7,7	7,0	Khá	
16	DTY20K7201010136	Trương Xuân Thụy	08/02/1987	Hà Giang	CTY.K52B	8,0	7,0	8,0	6,0	6,7	6,7	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,3	Khá	
17	DTY20K7201010140	Vũ Văn Tiếp	01/07/1991	Hải Dương	CTY.K52B	9,0	7,0	7,0	6,0	6,7	6,7	9,0	8,0	8,0	8,0	8,2	7,4	Khá	
18	DTY20K7201010144	Đào Thị Trang	09/09/1992	Yên Bái	CTY.K52B	9,0	8,0	7,0	6,0	6,8	6,3	9,0	8,0	8,0	8,5	8,5	7,5	Khá	
19	DTY20K7201010146	Vũ Thị Quỳnh Trang	10/10/1997	Thái Nguyên	CTY.K52B	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	7,0	8,0	8,0	8,0	8,5	8,3	7,7	Khá	
20	DTY20K7201010152	Nguyễn Quý Trung	06/11/1988	Hà Nội	CTY.K52B	9,0	8,0	7,0	7,0	7,4	7,8	8,7	8,0	7,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
21	DTY20K7201010158	Hoàng Thị Tươi	18/08/1995	Cao Bằng	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	6,0	6,8	5,0	8,0	8,0	8,0	8,5	8,3	7,2	Khá	
22	DTY20K7201010162	Kiều Công Vũ	04/04/1995	Phú Thọ	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	7,0	7,4	9,7	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,1	Giỏi	
23	DTY20K7201010165	Phạm Thị Xuyên	26/09/1985	Hà Nội	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	7,0	7,4	6,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,4	Khá	
24	DTY20K7201010002	Hoàng Tuấn Anh	28/07/1995	Bắc Giang	CTY.K52B	8,0	7,0	8,0	8,0	7,9	8,5	8,0	8,0	8,0	7,5	7,7	7,9	Khá	
25	DTY20K7201010006	Vũ Nhật Bằng	04/08/1994	Điện Biên	CTY.K52B	8,0	7,0	8,0	6,0	6,7	7,5	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,4	Khá	
26	DTY20K7201010008	Phạm Thị Mai Chi	26/05/1991	Lai Châu	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,9	Khá	
27	DTY20K7201010011	Quảng Văn Chung	23/03/1983	Lai Châu	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	6,0	6,6	7,9	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,5	Khá	
28	DTY20K7201010017	Phạm Hồng Dương	20/12/1994	Phú Thọ	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	6,7	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,5	Khá	
29	DTY20K7201010022	Vũ Anh Đức	27/07/1986	Thái Nguyên	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	8,0	7,8	7,1	8,0	8,0	8,0	8,5	8,3	7,9	Khá	
30	DTY20K7201010025	Nguyễn Văn Hà	08/03/1998	Thái Bình	CTY.K52B	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	6,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,4	Khá	
31	DTY20K7201010027	Nguyễn Hồng Hải	20/11/1994	Nghệ An	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	8,0	8,0	8,1	8,0	Giỏi	
32	DTY20K7201010028	Trần Thị Hằng	11/11/1994	Điện Biên	CTY.K52B	8,0	8,0	7,0	6,0	6,7	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,3	Khá	
33	DTY20K7201010035	Đặng Trung Hiếu	14/09/1993	Cao Bằng	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	6,0	6,6	6,5	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,2	Khá	

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	KHÓA/LỚP	HỌC PHẦN 1					HỌC PHẦN 2 (Bảo lưu từ Trung cấp)	HỌC PHẦN 3					TBM	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
						ĐQT			THI	HP1		ĐQT			THI	HP3			
						ĐRL	ĐTX	ĐGP				ĐRL	ĐTX	ĐGP					
34	DTY20K7201010040	Vi Xuân Hòa	20/08/1988	Phú Thọ	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	5,0	8,0	8,0	8,0	8,5	8,3	7,3	Khá	
35	DTY20K7201010042	Lại Thị Khánh Hồng	18/05/1992	Bình Phước	CTY.K52B	8,0	8,0	7,0	6,0	6,7	6,8	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,3	Khá	
36	DTY20K7201010045	Hoàng Mạnh Hùng	21/08/1993	Quảng Bình	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	8,7	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,8	Khá	
37	DTY20K7201010052	Vũ Thị Khánh Huyền	07/08/1992	Bắc Giang	CTY.K52B	9,5	8,0	7,0	7,0	7,5	7,5	9,5	9,5	8,0	8,0	8,4	7,9	Khá	
38	DTY20K7201010048	Tống Thị Thu Hương	26/01/1991	Thái Nguyên	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,5	Khá	
39	DTY20K7201010054	Nguyễn Văn Khải	10/10/1987	Thái Bình	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	6,0	6,8	7,3	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,4	Khá	
40	DTY20K7201010056	Hà Văn Khánh	03/03/1993	Hòa Bình	CTY.K52B	8,0	8,0	8,0	7,0	7,4	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,6	Khá	
41	DTY20K7201010062	Trần Kim Liệu	15/09/1990	Hưng Yên	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	9,0	8,4	6,7	7,7	8,0	8,0	8,0	8,0	7,9	Khá	
42	DTY20K7201010067	Dương Thanh Loan	19/05/1984	Hưng Yên	CTY.K52B	8,0	8,0	7,0	7,0	7,3	8,0	7,7	8,0	8,0	8,0	8,0	7,7	Khá	
43	DTY20K7201010069	Đào Hoàng Long	23/12/1988	Hải Dương	CTY.K52B	8,0	7,0	7,0	7,0	7,2	5,8	7,7	8,0	8,0	8,0	8,0	7,3	Khá	
44	DTY20K7201010076	Bàn Thị Mên	12/03/1993	Cao Bằng	CTY.K52B	8,0	8,0	7,0	6,0	6,7	8,3	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,6	Khá	

**Tổng số SV: 44**

**Xuất Sắc:**

**0**

**Khá:**

**40**

**Trung bình:**

**0**

**Giỏi:**

**4**

**Trung bình khá:**

**0**

**Không đạt:**

**0**

**TM. HỘI ĐỒNG THI**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đại tá Đinh Văn Long**

**THU KÝ HỘI ĐỒNG**

**ThS. Dương Thị Thanh Mai**

**NGƯỜI LÊN ĐIỂM**

**Đặng Thị Thùy Linh**